

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - D
TỈNH D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

D, ngày 25 tháng 11 năm 2025

Số: 232/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thu A** – SN: 24/11/1982; nơi cư trú: Thôn E, xã C, tỉnh D.

CCCD số: 052182002485; ngày cấp: 22/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B** – SN: 10/02/1979; nơi cư trú: Thôn F, xã C, tỉnh D.

CCCD số: 052079024387; ngày cấp: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

* Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện C, tỉnh H (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh D).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận

đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu A và anh Huỳnh Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Thu A và anh Huỳnh Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Huỳnh Thị Thu A và anh Huỳnh Văn B thống nhất có 01 con chung tên: Huỳnh Thiện N, sinh ngày 07/7/2024, hiện nay cháu N đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A và anh B thống nhất giao cháu N cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000^d/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/12/2025 cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Huỳnh Thị Thu A và anh Huỳnh Văn B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Chị Huỳnh Thị Thu A tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Chị Huỳnh Thị Thu A đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004498 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh D nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho chị A 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

2.5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Anh Huỳnh Văn B tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh D;
- VKSND khu vực 3 - D;
- Phòng THADS khu vực 3 - D;
- UBND xã C, tỉnh D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ